

Số: 13/2025/QĐST-VHNGĐ

Phú Mỹ, ngày 07 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, khoản 1 Điều 35, Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 59/2025/TLST-VHNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Phạm Văn C, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn P, xã T, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bà Lê Thị T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn P, xã T, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Phạm Văn C và bà Lê Thị T chung sống với nhau từ năm 2021, ông bà đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã P (nay là phường T, thành phố P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 28/12/2020.

Ông, bà xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn quan tâm, chia sẻ được với nhau, ông, bà đã tìm nhiều biện pháp để hàn gắn tình cảm nhưng không đạt kết quả. Ông, bà đã sống ly thân từ tháng 08/2024 đến nay. Tòa án đã hòa giải, động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng ông, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu được thuận tình ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông C, bà T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu cho ông, bà được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung:

Ông Phạm Văn C và bà Lê Thị T xác nhận vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Phạm Minh Bá Q, sinh ngày 02/08/2021. Khi ly hôn, ông C và bà T thỏa

thuận giao cháu Q cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông C không cấp dưỡng nuôi con.

Xét sự thoả thuận của ông C, bà T là phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận giao cháu Q cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông C không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Văn C và bà Lê Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông Phạm Văn C và bà Lê Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

Đã hết 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn C và bà Lê Thị T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Phạm Minh Bá Q, sinh ngày 02/08/2021 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Phạm Văn C không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Văn C được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Văn C và bà Lê Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Ông Phạm Văn C và bà Lê Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002797 ngày 21/02/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thành phố Phú Mỹ;
- UBND phường Tân Hoà, TP Phú Mỹ, tỉnh BRVT (GCNKH số 94/2020);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THÂM PHÁN**Trần Thị Nhung**